

Bản án số: 17/2023/HC-PT

Ngày: 09-01-2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính trong lĩnh  
vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Phạm Việt Cường**

*Các thẩm phán:*

**Ông Trương Minh Tuấn**

**Ông Đặng Kim Nhân.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 09-01-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 280/2022/TLPT-HC ngày 03-11-2022 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 20-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 505/2022/QĐ-PT ngày 20-12-2022, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1940; địa chỉ cư trú: phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 25-11-2022):*

Bà **Trần Thị Bích D**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị kiện:**

**1. Ủy ban nhân dân thành phố H;** địa chỉ trụ sở: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 2195/UBND ngày 30-7-2021):*

**Ông Nguyễn Minh L** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

**1.1. Ông Vương Quốc HH** - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

**1.2. Ông Phan Thanh D**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam**; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 674/VPĐKĐĐ-ĐK ngày 24-8-2021):*

**Ông Trần Văn C** - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện trình bày:*

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị K khai phá, tạo lập được thửa đất và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) vào năm 1995 đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 760 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài (diện tích theo hiện trạng còn lại sau khi làm đường là 621 m<sup>2</sup>) tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Diện tích đất trên được đăng ký, kê khai theo Quyết định 201/CP là thửa đất số 851, tờ bản đồ số 04, diện tích 742 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư.

Ngày 12-6-2018, UBND phường C đã cấp văn bản xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất nêu trên, cụ thể: “Nguồn gốc sử dụng đất: Đăng ký 201/CP thửa đất 851, tờ bản đồ số 04, diện tích 742 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, chủ đăng ký bà Nguyễn Thị K; mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Hộ bà Nguyễn Thị K không vi phạm chính sách đất đai, sử dụng ổn định, hiện nay không có tranh chấp, khiếu nại, hiện trạng khép kín trong khu dân cư”.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị K đã bị thu hồi một phần diện tích đất là 139 m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị để thực hiện Dự án mở rộng đường Nguyễn Duy Hiệu; phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 621 m<sup>2</sup>. Để điều chỉnh biến động diện tích giảm của thửa đất, đồng thời yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích của thửa đất là đất ở theo hồ sơ đăng ký trước đây; tháng 05-2018, bà K nộp đơn đề nghị chỉnh lý biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất tại Trung tâm hành chính công thành phố H. Tại Thông báo số 663/TB-UBND ngày 20-7-2018, UBND thành phố H xác định: “Theo hồ sơ địa chính Quyết định 201/CP của Chính phủ thửa đất số 1547 (67), tờ bản đồ số 04 (32) được xác định là thửa đất số 851, tờ bản đồ số 04, diện tích 742 m<sup>2</sup> loại đất thổ cư do bà Nguyễn Thị K kê khai, đăng ký. Do đó, UBND thành phố thống nhất cho phép hộ bà Nguyễn Thị K được điều chỉnh biến động diện tích giảm theo hiện trạng sử dụng, đồng thời đủ điều kiện để được xác định lại loại đất ở đô thị với diện tích 421m<sup>2</sup>”.

Mặc dù, đã có thông báo với nội dung công nhận như trên, nhưng UBND thành phố H, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H, Trung tâm hành chính công thành phố H không tiếp tục thực hiện quy trình thủ tục chỉnh lý biến động giảm diện tích đất và công nhận đất ở đô thị và trả lại toàn bộ hồ sơ cho bà Nguyễn Thị K.

Tháng 04-2021, bà Nguyễn Thị K tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị xem xét công nhận đất ở đô thị đối với phần diện tích đất còn lại là 621 m<sup>2</sup> và chỉnh lý biến động giảm diện tích do mở đường trước đây. Ngày 20-4-2021, bà Nguyễn Thị K nhận được Công văn số 84/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H trả lời bà Nguyễn Thị K, có nội dung: “1. Căn cứ khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì việc xác định lại diện tích đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao không thuộc trường hợp đính chính giấy chứng nhận đã cấp như nội dung Giấy tiếp nhận.

2. Nội dung đề nghị giải quyết của người dân tại đơn đăng ký biến động đất đai (công nhận đất thổ cư thành đất ở theo đăng ký 201/CP không có trong trình tự giải quyết thủ tục hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3945/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Ngày 16-8-2018, Ủy ban nhân dân thành phố H đã có Công văn số 2783/UBND gửi Trung tâm hành chính công về việc tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận đất ở trên địa bàn thành phố”.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị K nhận thấy việc xử lý của UBND thành phố H là bất nhất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đã không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ xác nhận diện tích đất ở của gia đình bà K là không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, bởi lẽ:

- Thứ nhất: Về căn cứ pháp lý xác nhận đất ở của hộ gia đình bà Nguyễn Thị K: được quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai .

- Thứ hai: Về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở: quy định tại Điều 2, Mục 47 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-11-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; mục 13 khoản 6 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thứ ba: Về thẩm quyền xác định loại đất: Căn cứ quy định tại Điều 11 của Luật Đất đai và tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ, thẩm quyền xác định đất ở thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Do đó, việc xác định đất ở của hộ gia đình bà Nguyễn Thị K thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H, thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở, hồ sơ chỉnh lý biến động giảm diện tích đất; thực hiện việc điều chỉnh giảm diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc UBND thành phố H công nhận đất ở đối với phần diện tích đất còn lại tương đương 421 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Nguyễn Thị K theo đúng quy định của pháp luật.

*Người bị kiện:*

*- Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam trình bày:*

Tại thời điểm bà Nguyễn Thị K nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H đề nghị xác định lại diện tích đất ở, bà K không cung cấp chứng cứ về các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H không có căn cứ để tiếp nhận. Ngoài ra, tại thời điểm bà K nộp hồ sơ, thì UBND thành phố H có Công văn số 2783/UBND ngày 16-8-2018 về việc tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công nhận đất ở (sau này liên quan Kết luận số 94/KL của Bộ Tài nguyên và Môi trường), do đó Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H tạm dừng việc tiếp nhận hồ sơ theo văn bản nêu trên.

*- UBND thành phố H trình bày:*

Theo hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thì thửa đất mà bà Nguyễn Thị K đang có yêu cầu khởi kiện như sau: (1) Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là thửa đất số 851, tờ bản đồ số 04, xã C (cũ), diện tích 742 m<sup>2</sup>, loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị K đứng tên kê khai đăng ký; (2), theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, xã C (cũ), diện tích 760 m<sup>2</sup>, loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị K đứng tên kê khai, đăng ký và (3), theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại phường C là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 32, diện tích 638,9 m<sup>2</sup>, loại đất ở và đất vườn, Sổ mục kê ghi vắng chủ (nhưng thực tế do bà Nguyễn Thị K quản lý, sử dụng).

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp Giấy CNQSDĐ số E 0109875 ngày 20-01-1995 cho hộ bà Nguyễn Thị K tại thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 760 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư.

Trên cơ sở đề nghị của hộ bà Nguyễn Thị K (nộp đơn ngày 29-5-2018) về việc chỉnh lý biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất; ngày 20-7-2018, UBND thành phố đã có Thông báo số 663/TB-UBND, theo đó UBND thành phố thống nhất cho phép hộ bà Nguyễn Thị K được chỉnh lý giảm diện tích theo hiện trạng sử dụng, đồng thời đủ điều kiện để xác định lại loại đất ở đô thị với diện tích 421 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ngày 16-8-2018, UBND thành phố có Công văn số 2783/UBND về việc tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công nhận đất ở sau khi xác định hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg tại thành phố H chỉ là Sổ mục kê không phải là các loại giấy tờ được lập trước ngày 15-10-1993 để làm căn cứ xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao theo quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 47 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 6 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi

hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, thì việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy CNQSDĐ không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H. Do đó, UBND thành phố H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 20-6-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:***

Căn cứ Điều 3, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K:

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H) tiếp nhận hồ sơ xác định lại đất ở, chỉnh lý biến động giảm diện tích đất; thực hiện việc điều chỉnh giảm diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp nhận hồ sơ và xác định lại đất ở đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Nguyễn Thị K theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08-8-2022, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố H kháng cáo bản án.

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K; người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố H. Như vậy, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của UBND thành phố H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc người bị kiện là UBND thành phố H và Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam phải thực hiện hành vi hành chính, nhưng chỉ có UBND thành phố H kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết đối với nội dung kháng cáo của UBND thành phố H.

[2.1] Về tố tụng:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H, thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở, hồ sơ chỉnh lý biến động giảm diện tích đất; thực hiện việc điều chỉnh giảm diện tích đất của người khởi kiện và buộc UBND thành phố H công nhận đất ở đối với phần diện tích đất còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện còn trong thời hiệu, nên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Theo hồ sơ kê khai, đăng ký đất đai qua các thời kỳ, thì thửa đất mà bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu chỉnh lý biến động giảm diện tích đất và xác định lại diện tích đất ở như sau: (1) Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là thửa đất số 851, tờ bản đồ số 04, xã C (cũ), diện tích 742 m<sup>2</sup>, loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị K đứng tên kê khai đăng ký; (2) theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, xã C (cũ), diện tích 760 m<sup>2</sup>, loại đất có ký hiệu T, do bà Nguyễn Thị K đứng tên kê khai, đăng ký và (3) theo Hồ sơ đo mới VN.2000 tại phường C là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 32, diện tích 638,9 m<sup>2</sup>, loại đất ở và đất vườn, Sổ mục kê ghi vắng chủ (nhưng thực tế do bà Nguyễn Thị K quản lý, sử dụng).

Bà Nguyễn Thị K được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 760 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư vào ngày 20-01-1995. Quá trình quản lý, sử dụng đất, hộ bà Nguyễn Thị K không vi phạm chính sách đất đai, mà sử dụng ổn định, không có tranh chấp, khiếu nại. Khi mở đường Nguyễn Duy Hiệu, hộ bà Nguyễn Thị K bị thu hồi diện tích 139 m<sup>2</sup>, diện tích còn lại của thửa đất là 621 m<sup>2</sup> (bút lục số 12).

- Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố H tiếp nhận hồ sơ và xác định lại diện tích đất ở đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP):

Quá trình sử dụng đất thể hiện, hộ bà Nguyễn Thị K đã thực hiện việc kê khai, đăng ký theo Hồ sơ 299/TTg và Nghị định 64/CP như đã nêu trên; hộ bà K được UBND thị xã H cấp Giấy CNQSDĐ số E 0109875 ngày 20-01-1995 đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, xã C, diện tích 760 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Thổ cư, thời

hạn sử dụng: Lâu dài. Tại thời điểm được cấp Giấy CNQSDĐ, bà Nguyễn Thị K có hồ sơ kê khai đất đai qua các thời kỳ, thuộc một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; đồng thời, tại Thông báo số 663/TB-UBND ngày 20-7-2018 của UBND thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biến động diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H cũng đã xác định “UBND thành phố thống nhất cho phép hộ bà Nguyễn Thị K được điều chỉnh biến động diện tích giảm theo hiện trạng sử dụng; đồng thời, đủ điều kiện để được xác định lại loại đất ở tại đô thị với diện tích 421m<sup>2</sup>” (bút lục số 13).

Do đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 98, Điều 103 của Luật Đất đai và khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì bà Nguyễn Thị K có quyền nộp đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở và diện tích đất còn lại của thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> và hộ bà K đủ điều kiện để được xác định là đất ở.

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Mục 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ, thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân.

Tại Mục 9 Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19-8-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam hướng dẫn: “Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 01-7-2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất có vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã cấp đảm bảo theo quy định tại Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 và Sổ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất”.

Như vậy, có cơ sở xác định UBND thành phố H là cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở cho hộ bà Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> tại xã C, thành phố H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm “Buộc UBND thành phố H tiếp nhận hồ sơ và xác định lại đất ở đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Nguyễn Thị K” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của UBND thành phố H đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên UBND thành phố H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.**  
- Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố H.  
- Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HCST ngày 20-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 11, điểm g khoản 1 Điều 100 và khoản 1, 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013, xử:**

**Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K:**

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp nhận hồ sơ và xác định lại đất ở đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 04, diện tích 621 m<sup>2</sup> (NĐ 64/CP), địa chỉ tại khối S 01, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Nguyễn Thị K theo đúng quy định của pháp luật.

**3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**4. Về án phí hành chính:**

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- UBND thành phố H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000222 ngày 29-9-2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí; UBND thành phố Hội An đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**